

Số: **51** /2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC

Hà Nội, ngày **02** tháng **12** năm 2013

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020**

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;*

*Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung*

*cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;*

*Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC:*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 2 như sau:

"1. Các nội dung, hoạt động của Chương trình xây dựng nông thôn mới phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 2 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 3, Điều 4 như sau:

"a) Căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và hướng dẫn cụ thể việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới ở xã để lãnh đạo toàn hệ thống chính trị cơ sở và toàn dân triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

"1. Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Đồ án quy hoạch nông thôn mới phải tuân thủ các đồ án quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt (quy hoạch vùng huyện, vùng tỉnh, quy hoạch chung đô thị ...).

- Đối với những xã đã có quy hoạch đáp ứng các tiêu chí về xây dựng xã nông thôn mới thì không phải phê duyệt lại; đối với những xã đã và đang lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 cần phải rà soát, bổ sung để phù hợp với việc lập quy hoạch theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên bộ: Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới.

- Quy hoạch nông thôn mới được duyệt là cơ sở để lập dự án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Kinh phí quy hoạch do Ngân sách nhà nước cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở mức hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương, có trách nhiệm chủ động

chỉ đạo lập kế hoạch kinh phí quy hoạch; quy định mức kinh phí quy hoạch cho cấp xã phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và bố trí kinh phí bổ sung (nếu có) để thực hiện; chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí lập quy hoạch theo tình hình thực tế của địa phương trên cơ sở các văn bản hướng dẫn (và sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có) của các Bộ, ngành".

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm d, Khoản 1, Điều 8 như sau:

"d) Tổng dự toán ngân sách thực hiện đề án, trong đó làm rõ nhu cầu vốn từ các nguồn cho từng công trình, dự án được lập theo quy định trong Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020, Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp".

5. Bổ sung Khoản 1, Điều 9 như sau:

"c) Căn cứ nguồn vốn phân bổ chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương và cân đối nguồn vốn bố trí từ ngân sách địa phương cho Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ, lồng ghép các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định".

6. Bổ sung Khoản 2, Điều 9 như sau:

"g) Việc phân bổ các nguồn vốn được thực hiện cho cả giai đoạn và cho từng năm, sau khi có thông báo từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính".

7. Bổ sung Điểm a, Khoản 7, Điều 10 như sau:

"- Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản: Các địa phương được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, không phải lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù nêu trên.

- Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình theo cơ chế này được thực hiện theo Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07 tháng 8 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)".

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn

1. Mục tiêu: Đạt yêu cầu về thu nhập và lao động có việc làm thường xuyên trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

2. Đối tượng hỗ trợ:

a) Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại (bao gồm cả chủ gia trại),

b) Tổ chức: Hợp tác xã, tổ hợp tác.

3. Xây dựng các hoạt động (nội dung) và định mức hỗ trợ:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập danh mục các hoạt động được hỗ trợ để phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã phù hợp với tình hình của địa phương. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm: Mở lớp tập huấn; hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất và tổ chức hội thảo nhân rộng; hỗ trợ lãi suất vốn vay; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; vật tư, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón; hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, chế biến nông, lâm thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ nông thôn.

b) Trên cơ sở tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách nhà nước của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng các định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn trên địa bàn xã để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt cho cả giai đoạn.

c) Căn cứ xây dựng các hoạt động và định mức hỗ trợ cho các hoạt động về phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn là các quy định đang được triển khai trên địa bàn tỉnh như các chương trình khuyến nông, khuyến công, giảm nghèo, chương trình 135 giai đoạn III, Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ...".

4. Qui trình lập, phê duyệt kế hoạch đầu tư:

a) Căn cứ vào Qui hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới, Ban quản lý xã phối hợp với Ban Phát triển thôn và Trưởng thôn tổ chức họp dân (họp thôn hoặc liên thôn) thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn hỗ trợ, các thông tin thị trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã để các hộ và tổ chức lựa chọn các lĩnh vực cần phát triển và các nội dung cần hỗ trợ.

Ban Quản lý xã thống nhất với người dân lựa chọn một số sản phẩm, dịch vụ chủ lực để tập trung hỗ trợ và các nội dung cần hỗ trợ trình UBND xã xem xét, lựa chọn. Các sản phẩm hoặc dịch vụ được lựa chọn phải phù hợp, thiết thực với xã, có định hướng rõ về thị trường. Nội dung hỗ trợ tập trung vào những khâu, công đoạn tạo được sự cải thiện mạnh về hiệu quả, chất lượng, làm tăng giá trị, lợi nhuận từ sản phẩm, dịch vụ.

b) Trên cơ sở tổng hợp các nội dung cần hỗ trợ trên địa bàn xã, Ban quản lý xã lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết kèm theo và kế hoạch hàng năm, 5 năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch hàng năm, 5 năm của các xã, tổ chức thẩm định, phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm, căn cứ nguồn vốn Trung ương giao và nguồn vốn địa phương, phân bổ vốn cho các huyện, xã; ưu tiên hỗ trợ cho những xã làm tốt, những xã có điều kiện khó khăn (không nhất thiết phân bổ đều, cào bằng).

e) Ban Quản lý xã căn cứ vào nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm và các nguồn vốn khác để tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch và theo thứ tự ưu tiên.

6. Quy trình triển khai bao gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn chuẩn bị và lập kế hoạch

Bước 1. Xây dựng định hướng phát triển: Xác định được định hướng phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn của xã gắn với việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu sản xuất trên địa bàn xã trong giai đoạn đến năm 2015 và đến năm 2020.

Bước 2. Cung cấp thông tin cho người dân: Cung cấp thông tin về định hướng, cơ chế, chính sách, kế hoạch, quy trình triển khai việc phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn cho toàn bộ người dân trong xã biết để tham gia.

Bước 3. Xây dựng đề xuất: Người dân xây dựng các đề xuất phát triển để Ban quản lý xã xem xét, lựa chọn.

Bước 4. Đánh giá và lựa chọn đề xuất của người dân: Ban Quản lý xã đánh giá và lựa chọn các đề xuất của người dân, báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Bước 5. Phê duyệt đề xuất và lập kế hoạch: Ủy ban nhân dân xã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh mục các đề xuất của người dân. Sau khi các đề xuất được phê duyệt, Ban Quản lý xã thông báo đến người dân, lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

b) Giai đoạn 2. Tổ chức thực hiện

Bước 6. Thương thảo, ký kết hợp đồng: Ban Quản lý xã thống nhất thương thảo và ký hợp đồng thực hiện với người dân.

Bước 7. Triển khai thực hiện: Người dân triển khai thực hiện theo đề xuất đã được phê duyệt.

Bước 8. Tạm ứng, thanh toán và quyết toán: Ban Quản lý xã hỗ trợ người dân thực hiện việc tạm ứng, thanh toán và quyết toán phần kinh phí hỗ trợ theo các quy định hiện hành.

Bước 9. Giám sát, đánh giá và báo cáo: Ban quản lý xã phối hợp với Ban Phát triển thôn thực hiện nhiệm vụ giám sát, kết hợp với các biện pháp như giám sát cộng đồng trong suốt quá trình thực hiện các đề xuất được hỗ trợ theo các nội dung như số lượng, chất lượng, đầu vào, đầu ra, kết quả của dự án, đối tượng, kinh phí, tiến độ thực hiện các đề xuất; Lập báo cáo theo dõi tiến độ và đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân xã."

9. Bổ sung Điểm a, Khoản 1, Điều 15 như sau:

"- Các địa phương chủ động sử dụng nguồn thu từ xổ số kiến thiết để đầu tư cho các công trình phúc lợi kinh tế - xã hội trên địa bàn xã theo quy định hiện hành."

10. Sửa đổi Điểm d, Khoản 4, Điều 15 như sau:

"d) Ủy ban nhân dân các cấp tùy theo từng nội dung, dự án, công trình, vận động người dân tham gia đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương bằng các hình thức phù hợp, trên cơ sở phát huy dân chủ để người dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp. Ban quản lý xã tổng hợp mức đóng góp và đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua làm căn cứ pháp lý để thực hiện.

Trong trường hợp xã tự tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương, có trả thù lao cho người lao động, Ban quản lý xã ưu tiên bố trí hộ nghèo tham gia trực tiếp lao động và trả thù lao theo mức phù hợp với mức tiền công của thị trường lao động tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định mức thù lao cụ thể trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt. Đối với trường hợp hộ nghèo tự nguyện đóng góp bằng sức lao động trong xây dựng nông thôn mới thì không phải trả công lao động".

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 16 như sau:

"2. Đối với các hoạt động được ngân sách nhà nước hỗ trợ nếu kinh phí hỗ trợ dưới 50% vốn thì Ban quản lý xã thống nhất với nhà tài trợ (nếu có) quyết định cơ chế quản lý; Trường hợp Ban quản lý xã và nhà tài trợ (nếu có) thống nhất thực hiện cơ chế riêng không theo cơ chế quản lý của Thông tư này thì chỉ quyết toán phần ngân sách nhà nước đã hỗ trợ.

Đối với đối tượng sử dụng vốn ODA thì thực hiện theo Hiệp định ký kết với đối tác cấp ODA".

12. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 17 như sau:

"2. Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

a) Nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước

- Nguồn vốn sự nghiệp: Ưu tiên hỗ trợ thực hiện công tác quy hoạch; xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã; tuyên truyền; hoạt động của Ban

Chỉ đạo các cấp; đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, thôn, hợp tác xã; phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: Huy động, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn để tập trung thực hiện các công trình: Đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; nhà văn hóa thôn; công trình thể thao thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

- Đối với tất cả các xã, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% cho các hoạt động thuộc 03 nội dung: Công tác quy hoạch; Xây dựng trụ sở xã và Đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã.

- Đối với các xã thuộc các huyện nghèo thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các hoạt động thuộc 09 nội dung: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm; Xây dựng giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; Xây dựng trường học đạt chuẩn; Xây dựng trạm y tế xã; Xây dựng nhà văn hóa xã, thôn, bản; Xây dựng công trình thể thao thôn, bản; Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; Phát triển sản xuất và dịch vụ; Xây dựng hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản. Đối với các xã còn lại, ngân sách-nhà nước chỉ hỗ trợ một phần. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể, bảo đảm phù hợp với thực tế và yêu cầu hỗ trợ của từng địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

### 13. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Khoản 3, Điều 17 như sau:

"a) Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư: thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Đối với các công trình được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để thực hiện theo qui định tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ thì hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của công trình được đầu tư là quyết định phê duyệt danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù của UBND cấp huyện, dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền (thay thế cho Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền). Các hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu còn lại của

công trình đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Đối với các công trình thực hiện theo hình thức "Ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng" và các hình thức hỗ trợ khác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của Nhà nước".

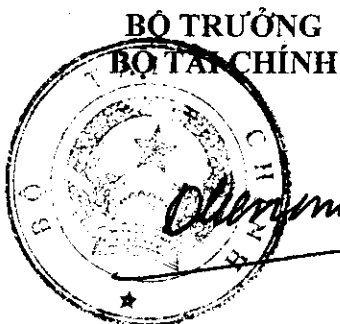
14. Sửa đổi Khoản 2, Điều 18 như sau:

"2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phương án phân bổ nguồn ngân sách trung ương cho các tỉnh cho cả thời kỳ trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước".

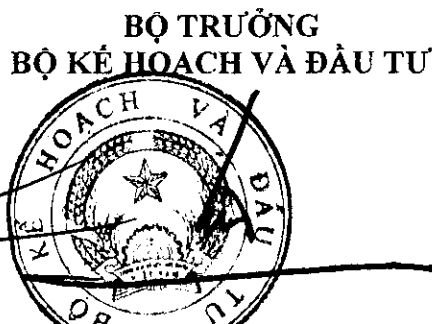
## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

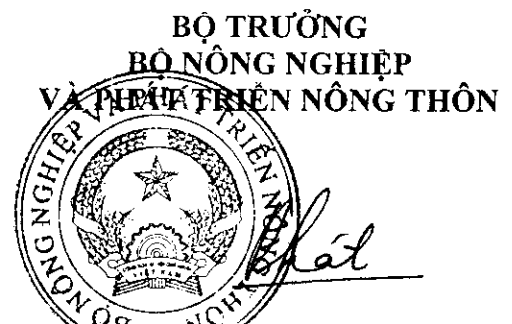
Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.



**Đình Tiến Dũng**



**Bur Quang Vinh**



**Cao Đức Phát**

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư TW;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Sở KHĐT, Sở Tư pháp, Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Bộ NN&PTNT, Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, BNN&PTNT, BTC, BKH&ĐT.